

Số: 123 /CT - TKV

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2017

## CHỈ THỊ

V/v Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2017 - 2020 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Triển khai công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí ( THTK, CLP) giai đoạn 2016-2020 của Chính Phủ , Bộ Công Thương và Đảng uỷ Tập đoàn tại các văn bản :

- Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016- 2020.

- Quyết định số 1266/QĐ-BCT ngày 12/04/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020 của Bộ Công Thương.

- Nghị quyết số : 20-NQ/ĐU ngày 10/04/2016 của Ban Thường vụ Đảng uỷ Tập Đoàn ban hành về lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Tập đoàn TKV giai đoạn 2017-2020.

Thực hiện các văn bản nêu trên Tổng giám đốc Tập đoàn yêu cầu các đồng chí Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng , các Ban chuyên môn , các Công ty trực thuộc , người đại diện phần vốn tại các Công ty Cổ phần , đề nghị các tổ chức Đảng đoàn thể trong hệ thống chính trị phối hợp với chuyên môn thực hiện nghiêm túc có hiệu quả về THTKCLP của TKV giai đoạn 2017-2020 theo các nội dung sau:

### I. Các giải pháp trọng tâm :

Tập đoàn và các đơn vị tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện nghiêm túc và triển khai đồng bộ các giải pháp “Năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh giai đoạn 2015-2020” đã ban hành tại văn bản số 4939/TKV-KH ngày 9/10/2015.

#### 1. Các giải pháp về đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất trong các lĩnh vực:

##### 1.1. Công nghiệp than

Áp dụng công nghệ khai thác hiện đại, phù hợp với điều kiện địa chất để tăng NSLĐ, giảm tỷ lệ tổn thất tài nguyên, đẩy mạnh áp dụng tin học hoá, tự động hoá trong các lĩnh vực sản xuất, giảm sử dụng lao động. Phân đấu đến năm 2020 giảm tỷ lệ tổn thất khai thác bằng phương pháp hầm lò xuống khoảng 20%; tỷ lệ tổn thất khai thác bằng phương pháp lộ thiên xuống khoảng 5%. Tăng cường và quản lý chặt chẽ tài nguyên từng khoáng sàng của các đơn vị đã được giao: Trên

cơ sở nhu cầu tiêu thụ than hàng năm, công nghệ và trình tự khai thác hợp lý, xác định rõ khối lượng và chất lượng từng khoáng sàng huy động; phân đầu giảm tỷ lệ tổn thất than trong khai thác ít nhất 5% so với thực hiện năm trước liền kề.

### **1.1.1. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ mới, đầu tư mở rộng các mỏ than hầm lò hiện có, đầu tư xây dựng các mỏ than hầm lò mới hiện đại:**

*a) Trong khai thác hầm lò:* Các mỏ than hầm lò chủ động đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm tăng năng suất, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao mức độ an toàn, tiết kiệm tài nguyên: Áp dụng cơ giới hoá khai thác, đào lò phù hợp với điều kiện của từng vỉa than; Đầu tư thiết bị giảm thiểu lao động thủ công trong các công đoạn khai thác, đào lò, vận tải mỏ; Nghiên cứu áp dụng công nghệ đào lò tiên tiến, chống lò vì neo ở những nơi có điều kiện sử dụng, cụ thể là :

(i) Tiếp tục hoàn thiện các công nghệ CGH đồng bộ, nâng cao sản lượng khai thác bằng cơ giới hoá. Tổ chức đánh giá toàn diện về các loại hình công nghệ CGH đồng bộ đã triển khai để rút kinh nghiệm mở rộng một cách hiệu quả, nâng tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ phân đầu đạt tỷ lệ CGH đồng bộ > 20% trên tổng sản lượng than khai thác bằng hầm lò vào năm 2020.

(ii) Tiếp tục nghiên cứu áp dụng máy đào lò phù hợp, áp dụng rộng rãi các loại vì neo, bê tông cốt thép, neo dèo cốt thép, bê tông phun ở các đường lò. Triển khai nghiêm túc sử dụng các loại vật liệu chống neo trong đào chống lò nâng tỷ lệ đào chống lò bằng vì neo đến năm 2020 đạt tối thiểu 30% tổng số mét lò đào mới.

(iii) Đẩy mạnh cơ giới hóa khâu xúc bốc, vận tải mỏ: đầu tư lắp đặt các hệ thống vận tải bằng băng tải thay thế các hình thức vận tải bằng máng cào phù hợp, hoàn thiện sơ đồ vận tải từng mỏ và liên mỏ kể cả trong hầm lò để nâng cao hiệu quả chung.

(vi) Trên cơ sở xác định công suất tối thiểu của 01 lò chợ/năm xây dựng lộ trình giảm số lượng lò chợ hiện nay từ 12 lò xuống dưới 10 lò chợ vào năm 2020 cho một mỏ hầm lò với qui mô theo điều kiện khai thác tương đương mỏ có công suất 2 triệu tấn/năm với chiều dày vỉa bình quân là 3m, chiều dài theo hướng dốc 100 m.

### *b) Trong khai thác lộ thiên:*

(i) Tiếp tục triển khai nối thông không gian các mỏ Cao Sơn, Cọc Sáu, Đèo Nai để khai thác tối ưu, triệt để tài nguyên, nâng cao hiệu quả sản xuất chung toàn vùng. Nghiên cứu trình tự kết thúc khai thác các mỏ lộ thiên vùng Hòn Gai (Núi Béo, Hà Lâm, Hòn Gai) kết hợp hoàn thổ cải tạo phục hồi môi trường đạt hiệu quả cao nhất và giảm chi phí sản xuất.

(ii) Rà soát năng lực xúc bốc, vận chuyển trong các mỏ để có kế hoạch đầu tư và/hoặc thuê thiết bị đồng bộ phù hợp với điều kiện khai thác xuống sâu. Theo đó, nghiên cứu áp dụng đồng bộ thiết bị công suất lớn (xe ô tô lớn hơn 100 tấn) tại mỏ Khe Chàm II lộ thiên và mỏ Hà Tu, công nghệ vận tải liên hợp: ô tô - băng tải; ô tô - trục tải, trục nâng tại các mỏ để phát huy các ưu điểm và khắc phục các nhược điểm của từng dạng vận tải, giảm giá thành và mở rộng biên giới khai thác.

(iii) Hoàn thiện áp dụng công nghệ định vị toàn cầu GPS quản lý, điều hành các khâu công nghệ xúc bốc, vận tải,...

**c) Sàng tuyển, vận chuyển than:**

(i) Hoàn thiện hệ thống sàng tuyển, chế biến than tại các mỏ và NM sàng tuyển để nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng hệ số thu hồi than, giảm chi phí vận chuyển than, đất đá thải; hoàn thiện các hệ thống sàng tuyển than chất lượng thấp, bã sàng, đất đá lẫn than để tận thu tối đa tài nguyên.

(ii) Đổi mới công nghệ, tự động hóa tối đa các công đoạn sàng tuyển tập trung. Theo đó, đối với các nhà máy sàng tuyển than mới (Vàng Danh, Khe Chàm,...) sẽ đầu tư tự động hóa đồng bộ một cách tối đa; đối với các nhà máy đang hoạt động (Cửa Ông, Hòn Gai, Vàng Danh) sẽ đầu tư tự động hóa các khâu vận hành liên động của nhà máy (hoàn thiện công tác xử lý bùn nước, bã sàng, đầu tư các hệ thống tự động hóa, đo lường tự động và điều khiển tập trung).

(iii) Đầu tư các kho, bến cảng nhận và giao than đảm bảo chủ động than cấp cho các hộ sử dụng. Cơ giới hoá các khâu vận tải, bốc rót, pha trộn trong cảng theo hướng băng tải hóa, đầu tư các thiết bị giám sát, đo lường tự động kiểm soát chặt chẽ khối lượng, chất lượng than.

**1.1.2. Quản lý kỹ thuật cơ bản:**

(a) Tổ chức kiểm soát các chỉ tiêu công nghệ, định mức kỹ thuật: Quản lý chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch đến nghiệm thu và có giải pháp tối ưu các chỉ tiêu công nghệ, thông số kỹ thuật để phát huy năng suất, công suất thiết bị, giảm tối đa khối lượng phát sinh ngoài kế hoạch như xử lý đất công nghệ, bùn moong, sự cố lò,...

(b) Thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong đó ngoài các giải pháp về tổ chức sản xuất hợp lý cần đầu tư áp dụng các thiết bị mới nhằm cải thiện điều kiện làm việc của thiết bị và tiết kiệm năng lượng như biến tần, khởi động mềm, chương trình thay thế dần máng cào bằng băng tải ở những vị trí đường lò vận chuyển trung gian, chương trình sử dụng đèn Compact thay cho bóng đèn tròn phục vụ chiếu sáng trong hầm lò để giảm chi phí điện năng, đảm bảo thực hiện tiết kiệm điện tối đa chi phí điện năng so với chỉ tiêu đã giao trong chi phí sản xuất của các đơn vị.

**1.1.3. Tập trung ưu tiên mọi nguồn lực cho các dự án đảm bảo tiến độ** đầu tư nâng cao công suất mỏ; các dự án băng tải than, đất.

**1.2. Về công nghiệp khoáng sản**

**Tập trung đầu tư, khai thác một cách hiệu quả** các khoáng sản quan trọng được nhà nước giao như đồng, bauxit-alumin, sắt Thạch Khê, sắt Cao Bằng.

**1.3. Về công nghiệp điện**

Vận hành ổn định phát huy công suất các nhà máy điện Na Dương, Cao Ngạn, Sơn Động, Cẩm Phả 1, Cẩm Phả 2, Mạo Khê, Nông Sơn, Đồng Nai 5 và đảm bảo tiến độ đưa vào vận hành thương mại Na Dương 2, Quỳnh Lập 1.

4.300  
TẬP  
CÔNG  
AN-TH  
VIỆT  
VINAC  
7. EA

## **1.4. Vật liệu nổ công nghiệp**

1.4.1. Vận hành ổn định NM Nitrat amon Thái Bình để chủ động nguồn nguyên liệu cho sản xuất thuốc nổ trong nước, đồng thời tập trung tìm kiếm, mở rộng thị trường để phấn đấu phát huy tối đa công suất nhà máy phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

1.4.2. Tập trung nghiên cứu, thử nghiệm VLNCN mới và tiền chất thuốc nổ để sản xuất các sản phẩm mới có nhiều ưu điểm hơn đáp ứng yêu cầu chất lượng ngày càng cao của thị trường. Đối với mỏ lộ thiên tăng khả năng áp dụng cơ giới nạp mìn, đồng thời sản xuất thuốc nổ nhũ tương bao gói sử dụng trong điều kiện phức tạp; đối với mỏ hầm lò nâng cao mức độ an toàn trong môi trường khí, bụi nổ.

1.4.3. Nâng cao chất lượng dịch vụ nổ mìn, góp phần giảm chi phí sản xuất than. Vận hành ổn định các dây chuyền thuốc nổ an toàn nhũ tương hầm lò.

## **1.5. Cơ khí**

1.5.1. Chủ động nghiên cứu, đầu tư chế tạo thiết bị, máy móc, phụ tùng cho ngành khai thác than-khoáng sản. Cụ thể là: Xây dựng ngành cơ khí gắn với công nghiệp than, khoáng sản hóa chất phù hợp với điều kiện của Tập đoàn các công ty TKV. Mỗi nhà máy cần xây dựng một sản phẩm cơ khí chủ lực cho mình (bao gồm liên kết cùng đơn vị khác) đáp ứng nhu cầu của ngành nhằm hạn chế việc nhập khẩu; đi sâu vào công nghiệp chế tạo nhằm nội địa hóa sản phẩm chế tạo.

1.5.2. Tăng cường sự liên kết giữa các công ty cơ khí, tư vấn, làm tổng thầu thi công các công trình cơ khí của Tập đoàn: các công trình nhà máy tuyển than, quặng, nhà máy điện, các hệ thống băng tải ngoài mặt bằng và trong hầm lò.

1.5.3. Các công ty cơ khí phải tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý, đảm bảo tiến độ, làm tốt dịch vụ sau bán hàng, đặc biệt là khâu bảo hành có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển bền vững của các đơn vị. Trường hợp các đơn vị cơ khí chế tạo, sửa chữa thiết bị không đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh nếu tái phạm nhiều lần sẽ bị xem xét loại khỏi kế hoạch phối hợp kinh doanh năm tiếp theo.

## **1.6. Cung ứng các sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ khác**

Các đơn vị trong toàn Tập đoàn thực hiện nghiêm sự phối hợp, ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của nhau để giúp nhau cùng phát triển, phát huy tối đa năng lực sản xuất của từng đơn vị theo nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng, cùng có lợi.

## **2. Các giải pháp về tổ chức, quản lý, điều hành sản xuất**

### *2.1. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị doanh nghiệp*

2.1.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức các đơn vị trong Tập đoàn theo hướng phân công, hợp tác theo chuyên môn hóa, giảm khâu trung gian là yếu tố chính, đầu tiên tạo ra động lực, sức bật tăng năng lực sản xuất, năng suất và hiệu quả kinh doanh.

2.1.2. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Tập đoàn: Hoàn thiện bộ máy, cơ chế điều hành, phân công, phân cấp hợp lý.

2.1.3. Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với việc áp dụng công nghệ thông tin theo hướng tập trung nâng cao giá trị gia tăng và kiểm soát chặt chẽ quá trình quản lý của doanh nghiệp.

## 2.2. Về quản lý điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

2.2.1. Từng đơn vị sản xuất than phải có biện pháp cụ thể, tổ chức bảo vệ an toàn tuyệt đối sản phẩm, tài sản của doanh nghiệp góp phần quan trọng giảm giá thành đơn vị, đặc biệt là công tác quản lý vận chuyển than, hệ thống kho bãi an toàn để bảo vệ than tại các công ty sản xuất và các công ty kho vận.

Tăng cường Công tác kiểm tra, kiểm soát quản lý, bảo vệ trật tự ranh giới mỏ, quản lý than; chú trọng công tác bảo vệ vật tư, tài sản của Công ty, giữ vững an ninh trật tự xã hội trong khu mỏ. Phối hợp chặt chẽ với Chính quyền địa phương và các đơn vị trên địa bàn để quản lý tốt tài nguyên, tài sản của Công ty, ngăn chặn kịp thời các hành vi khai thác than trái phép.

2.2.2. Cải tiến phương pháp điều hành qua mạng trung tâm chỉ huy sản xuất của đơn vị, điều hành trực tuyến, sử dụng hệ thống giám sát tập trung các vị trí chính trong lò, hệ thống quan trắc khí mỏ tập trung, tự động.

## 2.3. Công tác quản lý điều hành đầu tư xây dựng cơ bản

2.3.1. Rà soát kỹ kế hoạch ĐTXD từng dự án, hạng mục đầu tư và giãn, giảm đầu tư các công trình chưa cấp bách và không phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị trong giai đoạn 2017-2020; phối hợp sử dụng tối ưu, tận dụng tối đa các công trình đã đầu tư (nhất là các công trình hạ tầng, vận tải mỏ từng khu vực, nhà làm việc - điều hành mỏ phải bám sát sản xuất,...).

2.3.2. Các công trình đầu tư mới và nâng cấp phải tính toán kỹ hiệu quả, phê duyệt đúng trình tự trước khi đầu tư và phải cân đối đảm bảo tiến độ huy động vốn, trả nợ đảm bảo tài chính lành mạnh.

2.3.3. Đối với các dự án xây dựng mỏ mới, các chủ đầu tư phải chủ động thực hiện bằng năng lực của bản thân và thuê các đơn vị thi công xây dựng, tư vấn trong và ngoài nước để đảm bảo tiến độ của các dự án.

2.3.4. Đẩy mạnh nghiên cứu, lựa chọn công nghệ tối ưu để kịp thời đưa vào thiết kế các công trình trong điều kiện hiện tại. Tăng cường hợp tác, thuê tư vấn trong nước và nước ngoài để thực hiện các dự án lớn, phức tạp nhằm tiếp thu công nghệ và kinh nghiệm của các đối tác, đảm bảo tiến độ và chất lượng của dự án.

## 3. Các giải pháp về cơ chế quản trị

Hoàn thiện cơ chế và phương pháp quản trị, tạo động lực nhằm tiết giảm chi phí, khuyến khích người lao động tại mọi vị trí tăng năng suất, chất lượng sản phẩm dịch vụ; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, áp dụng các chuẩn mực hiện đại trong quản trị doanh nghiệp.

3.1. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành, ký hợp đồng thực hiện kế hoạch PHKD nhằm khai thác tối đa năng lực, lợi thế của mỗi đơn vị.

3.2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh.

3.3. Các công ty xây dựng kế hoạch và điều hành chi phí hàng tháng, hàng quý, năm phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, của Tập đoàn và thị trường từng giai đoạn, luôn đảm bảo cân đối được tài chính.

3.4. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện mô hình, phương pháp khoán quản trị chi phí cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, đến công trường, phân xưởng, các công đoạn sản xuất;

#### **4. Quản lý công tác mua sắm, sử dụng vật tư thiết bị:**

4.1. Tiếp tục hoàn thiện quy chế quản lý vật tư, thiết bị, thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát mua sắm và sử dụng vật tư :

- Quy chế thể hiện rõ các nguyên tắc, phương pháp quản lý, lập kế hoạch, quy trình mua bán và sử dụng vật tư chặt chẽ, dự trữ, tồn kho hợp lý, các chế tài thưởng, phạt, quy định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng vật tư.

- Mua sắm vật tư phải đảm bảo giá cả cạnh tranh, đổi mới và hoàn thiện kiểm soát chặt chẽ chất lượng hàng hóa mua vào, xuất xứ hàng hóa.

4.2. Tất cả các vật tư của Công ty khi đưa vào sử dụng đều được tính toán và xây dựng định mức để quản lý và giao khoán; hàng tháng, quý trên cơ sở kết quả thực hiện Công ty tổ chức rà soát và điều chỉnh mức cho phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của từng phân xưởng. Tăng cường thu hồi vật tư đã qua sử dụng: thép ray, vì chống và các phụ kiện đi kèm; có biện pháp sửa chữa, tái sử dụng phù hợp nhằm giảm chi phí.

4.3. Thực hiện nghiêm túc việc mua sắm vật tư, nguyên, nhiên, liệu thông qua các phương thức đã được quy định trong pháp luật về đấu thầu và quy định về quản lý vật tư của Tập đoàn để đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh.

#### **5. Về tổ chức lại sản xuất và sắp xếp lao động :**

5.1. Đẩy mạnh quá trình sắp xếp cổ phần hoá, thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu TKV giai đoạn 2016 - 2020 được Chính phủ phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2020 phải giảm tổng số lao động toàn Tập đoàn xuống dưới 100.000 người; thực hiện mục tiêu “doanh nghiệp ít người, trả lương cao”, thay vì “doanh nghiệp nhiều người, trả lương thấp”.

5.2. Tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý, tổ chức điều hành tiêu thụ, quản trị chi phí: Tiếp tục tinh giản số lượng lao động, cơ cấu lại lực lượng lao động phụ trợ, phục vụ và lao động quản lý, theo đó số lao động này phải giảm hằng năm từ 2-6% đến khi đạt tỷ lệ phù hợp. Đảm bảo đủ lao động làm việc trong hầm lò theo yêu cầu sản xuất. Giảm tỷ lệ thợ lò thôi việc bằng các cơ chế, chính sách đãi ngộ thỏa đáng. Đẩy mạnh việc thuê ngoài thực hiện các công việc phục vụ trong doanh nghiệp để tiết kiệm lao động và chi phí, tập trung vào các dịch vụ phục vụ ăn uống (trừ phục vụ ăn uống trong hầm lò), bảo vệ trụ sở, ký túc xá, tạp vụ, vệ sinh, trực y tế. Cụ thể:

5.2.1. Đối với khối sản xuất than : Tiếp tục thu gọn đầu mối, tinh giảm lực lượng lao động, đưa tỷ lệ lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ về đúng mô hình mẫu và định mức, định biên lao động mà Tập đoàn đã ban hành hoặc phê duyệt. Khuyến khích các đơn vị nghiên cứu, chủ động đề xuất thực hiện thấp hơn mô hình mẫu và định mức, định biên Tập đoàn đã ban hành.

5.2.2. Đối với các đơn vị khác : Bố trí số lượng phòng ban, phân xưởng, đơn vị kinh doanh theo quy mô đảm bảo số lượng phòng ban khối quản lý ở mức thấp nhất.

5.2.3. Triển khai thuê các đơn vị ngoài Tập đoàn cung ứng một số dịch vụ phục vụ.

## **II. Một số giải pháp cụ thể về THTK, CLP giai đoạn 2017 - 2020.**

1. Thực hiện tiết giảm chi phí, giá thành từ 1-3%/năm so với thực hiện của năm trước liền kề lĩnh vực sản xuất than- khoáng sản. Phân đầu tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu bình quân giai đoạn 2017-2020 đạt 5-7%/năm; đầu tư phát triển 19-20 ngàn tỷ đồng/năm; năng suất lao động tăng 4%/năm; thu nhập bình quân người lao động tăng 3,5%/năm.

2. Tăng cường quản lý tài chính, dòng tiền, đảm bảo hệ số nợ/vốn chủ sở hữu theo quy định; nghiên cứu bổ sung mô hình đầu tư hợp tác công - tư theo quy định của Nhà nước.

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, tìm biện pháp mở rộng thị trường, thị phần tiêu thụ sản phẩm, nhằm tăng nhanh vòng quay vốn kinh doanh, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn.

4. Rà soát, bổ sung các định mức kinh tế kỹ thuật về tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu; định mức lao động, tiền lương; định mức khai thác và sử dụng máy móc, thiết bị để tăng năng suất, giảm giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

5. Kiểm soát chặt chẽ chi phí trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản; triệt để tiết kiệm chi phí thường xuyên, nhất là các chi phí: hội nghị, hội thảo, tổng kết, ký kết thi đua, tiếp khách,... thực hiện các biện pháp phù hợp, hiệu quả để tiết kiệm triệt để chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm và các chi phí khác, tạo lập ý thức tiết kiệm, văn hoá chi tiêu tiết kiệm trong mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu tiết giảm chi phí như kế hoạch hàng năm của Tập đoàn đã giao khoán. Không mua sắm trang bị văn phòng đắt tiền. Việc mua sắm và sử dụng xe con điều hành thực hiện nghiêm theo quy định của Chính phủ. Thực hiện khoán xe đi công tác tại tất cả các đơn vị thành viên kể từ tháng 6/2017.

6. Nghiên cứu lồng ghép các nội dung để rút ngắn thời gian họp, hội nghị nhằm tiết kiệm chi phí; không kết hợp tổ chức hội nghị với thăm quan, nghỉ mát; Hạn chế tối đa các đoàn đi khảo sát, học tập kinh nghiệm nước ngoài.

7. Không tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, khánh thành các công trình xây dựng cơ bản, trừ các công trình quan trọng quốc gia; công trình có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội; hoặc những công trình quan trọng có ý nghĩa đặc biệt đối với Tập đoàn.

8. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án quyết định tăng trưởng của Tập đoàn, sớm đưa vào khai thác để phát huy hiệu quả vốn đầu tư; không đầu tư và kiên quyết dừng đầu tư những dự án xét thấy không có hiệu quả.

### 1) Tổ chức thực hiện.

#### 1. Các PTGD TKV.

Bám sát Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2016 - 2020 của Chính phủ, Bộ Công Thương; Nghị quyết của Ban Thường vụ Đảng ủy TKV; Chỉ thị của Tổng giám đốc TKV trong việc lãnh chỉ đạo các Ban, các đơn vị thành viên thực hiện quyết liệt và có hiệu quả.

#### 2. Các Ban, tổ chức đoàn thể và người đứng đầu đơn vị.

2.1. Trưởng các Ban, Chánh Văn phòng và người đứng đầu các đơn vị: Phổ biến Chỉ thị này đến người lao động các đơn vị để thực hiện. Đề nghị Đảng ủy TKV, Đảng ủy TQN, Công đoàn TKV, Đoàn Thanh niên TQN quán triệt cán bộ, đảng viên, đoàn viên để cả hệ thống chính trị toàn Tập đoàn cùng thực hiện.

2.2. Giao Ban KSNB chủ trì phối hợp với các Ban và đơn vị: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về THPTK, CLP và việc thực hiện Chương trình THPTK, CLP trong phạm vi quản lý.

2.3. Giao Ban KTTC chủ trì phối hợp với các Ban và đơn vị liên quan: định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả THPTK, CLP theo quy định hiện hành.

#### 3. Các công ty con, đơn vị trực thuộc TKV.

3.1. Xây dựng Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2017 - 2020 tại đơn vị mình. Trong đó, cần cụ thể hoá các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí của đơn vị mình; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện giai đoạn 2017 - 2020 để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra.

3.2. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện, kiểm tra, kịp thời làm rõ lãng phí khi có thông tin phát hiện để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý có hành vi lãng phí.

3.3. Hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình THPTK, CLP gửi về Tập đoàn theo quy định. /

#### Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐQT Tập đoàn (e-copy để b/c);
- Ban lãnh đạo điều hành (e-copy);
- Các KSV NN (e-copy);
- Công đoàn Than-Khoáng sản VN (e-copy);
- Đảng ủy TQN (e-copy);
- Đoàn Thanh niên TQN (e-copy);
- Các Ban, PGĐ TTĐHSX (e-copy);
- Các Công ty con, đơn vị trực thuộc (kết nối);
- Lưu VT, VP.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thanh Hải**